

Thứ tư, ngày 1 tháng 7 năm 2020

Vietnam Daily Review

Phiên tăng điểm mạnh mẽ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 02/07/2020	•		
Tuần 29/6-3/7/2020	•		
Tháng 7/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sau phiên chốt NAV quý II của các quỹ, VN-Index đã hồi phục mạnh trong phiên giao dịch hôm nay. Thị trường duy trì sắc xanh trong từ sáng đến chiều với đà tăng lớn dần theo thời gian. Dòng tiền đầu tư tăng mạnh trở lại trong phiên giao dịch khi chỉ có đến 17/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại đã quay trở lại mua ròng trên sàn HSX nhưng vẫn tiếp tục bán ròng trên sàn HNX. Thanh khoản thị trường suy giảm, biên độ dao động không đổi và độ rộng thị trường ở trạng thái tích cực cho thấy dòng tiền đang lan tỏa ra các nhóm cổ phiếu trên thị trường. Điều này phần nào được lý giải bởi tâm lý giải tỏa do chỉ số PMI tích cực và hoạt động đề chốt NAV của các Quỹ ở phiên trước đó. Tuy vậy, vẫn còn cần phải chờ những diễn biến tiếp theo mới xác định rõ xu hướng sắp tới của thị trường.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 765 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 1/7/2020, hầu hết chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm nhẹ.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Xây dựng 3.9%

Phân tích kỹ thuật: HAX_Tăng giá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index +18.38 điểm, đóng cửa 843.49 điểm. HNX-Index +1.93 điểm, đóng cửa 111.69 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VCB(+2.54); VIC (+1.93; BID(+1.49); VHM(+1.34); SAB(+1.10).
- Kéo chỉ số giảm: HPX(-0.10); TCH (-0.08); HDB (-0.07); NVL(-0.05); GEG(-0.04).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 3,071 tỷ đồng, giảm -24.3% so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 17.88 điểm, không đổi so với phiên liền trước. Thị trường có 306 mã tăng, 39 mã tham chiếu và 81 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 116.98 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm PLX (180.11 tỷ), VNM (25.33 tỷ) và VRE(+14.9 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -0.45 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX 843.49

Giá trị: 3071.11 tỷ 18.38 (2.23%)

Khối ngoại (ròng): 116.98 tỷ

HNX-INDEX 111.69

Giá trị: 623.32 tỷ 1.93 (1.76%)

Khối ngoại (ròng): -0.44577 tỷ

UPCOM-INDEX 56.05

Giá trị: 0.25 tỷ 0.53 (0.95%)

Khối ngoại (ròng): -5.19 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	40.4	2.90%
Giá vàng	1,788	0.38%
Tỷ giá USD/VND	23,206	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	26,078	-0.02%
Tỷ giá JPY/VND	21,583	0.43%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	35.38%
LS TPCP 5 năm	2.0%	-0.94%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
PLX	180.1	E1VFN3	21.7
VNM	25.3	HDG	21.2
VRE	15.0	DBC	20.5
MSN	10.1	POW	15.8
VHM	9.2	HDB	15.7

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật Hiệu suất Danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review
1/7/2020

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Xây dựng_3.9%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	11/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Xây dựng	3.9%	-0.2%	3.9%	3.9%	3.9%	-3.8%	19.5%
Hàng tiêu dùng	3.9%	0.7%	3.9%	3.9%	3.9%	-0.1%	20.1%
Bất động sản Khu công nghiệp	3.8%	-0.5%	3.8%	3.8%	3.8%	4.6%	26.2%
Lãi suất giảm	3.3%	0.0%	3.3%	3.3%	3.3%	0.8%	19.7%
Stay-at-home	2.9%	0.7%	2.9%	2.9%	2.9%	7.6%	17.9%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	2.7%	-1.7%	2.7%	2.7%	2.7%	-8.7%	21.4%
VN FinSelect	2.5%	-1.6%	2.5%	2.5%	2.5%	-8.1%	19.8%
Vật liệu Xây dựng	2.4%	0.1%	2.4%	2.4%	2.4%	0.5%	20.8%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	2.4%	-1.7%	2.4%	2.4%	2.4%	-13.7%	21.6%
MSCI frontier 100 Việt Nam	2.3%	-0.6%	2.3%	2.3%	2.3%	-10.7%	16.1%
Đầu tư công	2.3%	-1.8%	2.3%	2.3%	2.3%	-3.4%	20.3%
FTSE Việt Nam	2.2%	-0.2%	2.2%	2.2%	2.2%	-9.1%	17.1%
VN Diamond	2.1%	-1.8%	2.1%	2.1%	2.1%	-15.0%	19.7%
Cổ phiếu hết room ngoại	2.1%	-1.8%	2.1%	2.1%	2.1%	-12.9%	19.6%
Corona Avengers	2.0%	-1.4%	2.0%	2.0%	2.0%	-2.7%	22.2%
Ngân Hàng	2.0%	-1.5%	2.0%	2.0%	2.0%	-6.2%	23.2%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	2.0%	-1.1%	2.0%	2.0%	2.0%	-10.7%	18.1%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	1.8%	0.0%	1.8%	1.8%	1.8%	5.7%	15.8%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.7%	-2.2%	1.7%	1.7%	1.7%	-16.6%	16.8%
BDS & Khu công nghiệp	1.6%	-1.2%	1.6%	1.6%	1.6%	-8.0%	17.8%
Ngành Dược	1.6%	0.1%	1.6%	1.6%	1.6%	-7.1%	18.3%
Nước & Năng lượng	1.5%	-1.5%	1.5%	1.5%	1.5%	-9.2%	16.9%
Chiến tranh thương mại	1.4%	-1.8%	1.4%	1.4%	1.4%	-10.9%	18.7%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.9%	-1.4%	0.9%	0.9%	0.9%	-2.9%	22.3%
Dầu khí	-1.1%	-3.1%	-1.1%	-1.1%	-1.1%	-22.3%	25.2%
Mục tiêu	2/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L32	2.6%	-1.5%	2.6%	2.6%	2.6%	-9.4%	21.2%
S32	2.5%	-1.3%	2.5%	2.5%	2.5%	-16.3%	22.6%
M31	2.1%	-1.3%	2.1%	2.1%	2.1%	-9.7%	21.3%
S11	1.7%	-0.1%	1.7%	1.7%	1.7%	-0.6%	18.9%
L22	1.7%	-1.8%	1.7%	1.7%	1.7%	-8.8%	20.0%
L11	1.7%	-1.1%	1.7%	1.7%	1.7%	-8.8%	17.7%
S21	1.6%	-2.3%	1.6%	1.6%	1.6%	-10.6%	20.1%
M22	1.6%	-0.9%	1.6%	1.6%	1.6%	-4.0%	19.0%
M12	1.5%	-1.3%	1.5%	1.5%	1.5%	-8.5%	20.0%
Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	2.9%	-0.2%	2.9%	2.9%	2.9%	3.3%	17.6%
HIGH3	2.2%	-0.7%	2.2%	2.2%	2.2%	-2.6%	19.4%
LOW1	1.6%	-1.4%	1.6%	1.6%	1.6%	-6.8%	17.3%
INDEX							
VNINDEX	2.2%	-1.0%	2.2%	2.2%	2.2%	-12.2%	17.0%
VN30INDEX	2.1%	-1.1%	2.1%	2.1%	2.1%	-10.5%	17.6%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	11	14	10	15	11	14
Mục tiêu	9	2	7	2	7	2	7
Rủi ro	3	2	1	2	1	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

HAX_Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên giá trị 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: HAX đã dao động tích lũy ngắn hạn quanh ngưỡng 12 trong thời gian vừa qua nhưng vẫn đang duy trì được quá trình tăng giá từ đầu tháng 4 đến nay. Thanh khoản cổ phiếu hiện đang có chiều hướng tăng dần. Phiên hôm nay, sự hưng phấn đã đẩy giá HAX tăng kịch trần, qua đó giúp cổ phiếu tiếp cận trở lại vùng đỉnh cũ tại mốc 13. Các chỉ báo kỹ thuật hiện vẫn đang ủng hộ cho trạng thái tích cực của HAX. Chỉ báo MACD vừa tạo Golden Cross đồng thời chỉ báo động lượng RSI cũng chưa đi vào vùng quá mua nên đà tăng có thể vẫn được duy trì trong những phiên tới. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của HAX nằm tại khu vực 11.5-12. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại vùng giá 15-16, cắt lỗ nếu ngưỡng 11 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_ Tín hiệu tích cực

[Link](#)

GVR_ Tín hiệu tích

[Link](#)

PC1_Tăng giá

[Link](#)

CTI_Xu hướng tăng

[Link](#)

VNM_Hưng phấn

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 1/7

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	39.80	1.35%	4.70%	11.20%	-26.61%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	41.72	1.09%	2.90%	8.60%	-34.82%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	122.22	1.72%	1.90%	13.10%	-29.35%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1782.08	0.06%	1.20%	2.40%	26.02%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	18.25	0.22%	4.30%	-0.30%	18.61%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	884.00	0.20%	1.60%	3.70%	-5.53%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	493.25	0.31%	1.50%	-4.80%	-9.66%		AFX
Sữa	USD/cwt	22.47	0.54%	4.20%	25.40%	31.79%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	143.06	-0.16%	n/a	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.96	1.61%	0.30%	9.00%	-13.27%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	101.00	0.90%	2.90%	2.90%	-18.65%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6015.00	0.90%	1.90%	11.90%	2.17%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	505.73	0.15%	-1.70%	3.50%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1619.50	0.65%	1.50%	4.60%	-9.12%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	105.93	0.60%	-1.40%	7.10%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	65.25	0.08%	1.60%	6.70%	-18.74%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 9/2020 giảm 58 US cent xuống 41.27 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 8/2020 giảm 43 US cent tương đương 1% xuống 39.27 USD/thùng.
- Giá dầu chịu áp lực giảm bởi Libya đang cố gắng tiếp tục xuất khẩu, vốn đã ngừng xuất khẩu kể từ tháng 1/2020 do nội chiến. Ngoài ra, giá dầu giảm sau số liệu từ API cho biết tồn trữ dầu thô của Mỹ cao hơn so với dự kiến.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA tăng 0.5% lên 1,779.44 USD/ounce, vàng kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn New York tăng 1.1% lên 1,800.5 USD/ounce. Giá vàng tăng lên mức cao nhất gần 8 năm do lo ngại số trường hợp nhiễm virus corona mới tăng, thúc đẩy nhu cầu tìm kiếm tài sản trú ẩn an toàn là vàng. Do vậy, giá vàng có quý tăng mạnh nhất kể từ tháng 3/2016.

Giá sắt thép

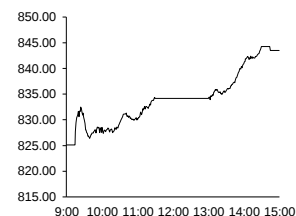
- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Đại Liên giảm 0.5% xuống 745 CNY (105.38 USD)/tấn. Giá thép cây kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn Thượng Hải giảm 0.1% xuống 3,565 CNY/tấn và giá thép không gỉ kỳ hạn tháng 8/2020 giảm 0.2% xuống 13,105 CNY/tấn, giá thép cuộn cán nóng tăng 0.3% lên 3,578 CNY/tấn. Giá quặng sắt tại Trung Quốc giảm, do lo ngại nhu cầu thép suy giảm khi hoạt động xây dựng chậm lại bởi thời tiết xấu và đại dịch Covid-19.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn ICE tăng 0.19 US cent tương đương 1.6% lên 11.96 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 8/2020 tăng 3.5 USD tương đương 1% lên 355.7 USD/tấn.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 9 tăng 0.9 US cent tương đương 0.9% lên 1.01 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 9 tăng 9 USD tương đương 0.8% lên 1,187 USD/tấn. Giá cà phê tăng, được thúc đẩy bởi hoạt động mua bù thiếu do lo ngại thời tiết lạnh tại nước sản xuất hàng đầu – Brazil.

Hình 1

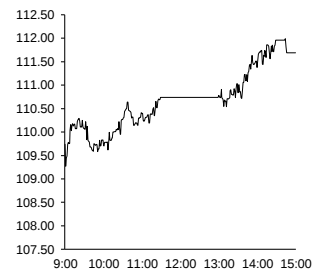
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

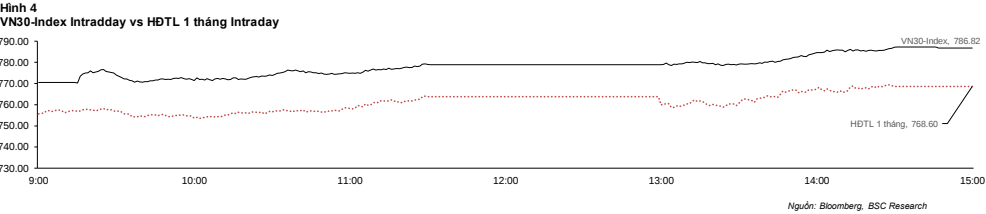
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	-0.70%
Y tế	-0.06%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.60%
Du lịch và Giải trí	0.95%
Bảo hiểm	1.03%
Công nghệ Thông tin	1.10%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.36%
Bán lẻ	1.37%
Dầu khí	1.58%
Viễn thông	1.63%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.02%
Bất động sản	2.13%
Tài nguyên Cơ bản	2.21%
Thực phẩm và đồ uống	2.29%
Truyền thông	2.35%
Xây dựng và Vật liệu	2.35%
Ngân hàng	2.77%
Dịch vụ tài chính	2.91%
Hóa chất	3.33%

Nguồn: FinPro

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đạo hạn	Số ngày*
VN30F2007	768.60	2.14%	-18.22	0.3%	197,988	7/16/2020	17
VN30F2008	760.00	2.15%	-26.82	3.3%	814	8/20/2020	52
VN30F2009	755.00	2.05%	-31.82	-42.2%	93	9/17/2020	80
VN30F2012	751.00	1.78%	-35.82	263.4%	516	12/17/2020	171

Nhận định:

• VN30 Index tăng mạnh 16.29 điểm, lên mức 786.82 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, VNM, HPG, VCB, và VIC tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. Trong phiên sáng, VN30 giằng co quanh 770-775 điểm. Sang phiên chiều, VN30 tăng tích cực lên trên 785 điểm. Thanh khoản giảm, VN30 có thể vận động tích lũy quanh 780-800 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2012, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2007 và VN30F2012 đang tăng, trong khi VN30F2008 và VN30F2009 đang giảm. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm kéo dài. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 765 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đạo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVPB2003	VCSC	7/22/2020	21	1:1	300,730	375.8%	1.5 triệu	44.71%	2,200	620	34.78%	771	0.80
CSTB2003	KIS	9/16/2020	77	1:1	266,230	36.1%	3.0 triệu	41.24%	1,360	1,650	26.92%	941	1.75
CVRE2005	SSI	11/30/2020	152	1:1	48,250	27.3%	1.5 triệu	44.02%	4,000	3,080	18.46%	2,569	1.20
CVRE2003	KIS	12/16/2020	168	2:1	278,160	943.0%	3.0 triệu	44.02%	3,000	930	17.72%	295	3.16
CCTD2001	KIS	12/16/2020	168	10:1	63,140	-15.1%	1.0 triệu	54.48%	1,540	1,850	16.35%	904	2.05
CSTB2004	SSI	11/30/2020	152	1:1	88,430	-29.8%	5.0 triệu	41.24%	1,400	1,630	14.79%	1,383	1.18
CVPB2005	MBS	8/18/2020	48	2:1	124,260	-47.2%	2.0 triệu	44.71%	1,510	1,450	14.17%	1,360	1.07
CSTB2006	KIS	4/5/2021	278	2:1	117,880	2628.7%	2.0 triệu	41.24%	1,500	1,440	9.92%	571	2.52
CVNM2003	MBS	9/4/2020	65	10:1	207,500	35.9%	3.0 triệu	31.41%	1,450	2,500	7.30%	2,184	1.14
CTCB2004	MBS	8/18/2020	48	2:1	213,410	0.8%	2.0 triệu	36.45%	1,050	1,700	5.59%	1,521	1.12
CDPM2002	KIS	12/16/2020	168	1:1	74,790	-57.9%	2.0 triệu	41.20%	1,700	2,320	5.45%	1,382	1.68
CHPG2005	VND	10/1/2020	92	1:1	19,810	7.8%	2.0 triệu	36.43%	2,100	8,250	4.56%	8,655	0.95
CVHM2002	SSI	11/30/2020	152	1:1	25,150	-24.5%	1.5 triệu	37.08%	11,500	10,560	4.55%	7,982	1.32
CHDB2003	KIS	12/16/2020	168	2:1	142,130	1001.8%	2.0 triệu	39.32%	2,700	960	4.35%	353	2.72
CVNM2004	SSI	11/30/2020	152	1:1	28,350	75.0%	2.0 triệu	31.41%	17,500	15,290	4.30%	8,813	1.73
CHPG2007	KIS	7/16/2020	15	1:1	34,920	-10.9%	2.5 triệu	36.43%	1,660	4,420	4.25%	4,451	0.99
CHPG2008	SSI	11/30/2020	152	1:1	38,450	-11.6%	5.0 triệu	36.43%	4,100	3,370	1.51%	2,541	1.33
CMWG2007	SSI	11/30/2020	152	5:1	23,060	-22.4%	2.0 triệu	39.78%	12,900	8,650	1.29%	6,991	1.24
CHPG2002	KIS	12/16/2020	168	2:1	204,520	345.8%	3.0 triệu	36.43%	1,700	1,640	1.23%	961	1.71
CFPT2003	SSI	11/9/2020	131	1:1	31,660	49.3%	2.0 triệu	32.25%	7,300	8,650	0.12%	2,378	3.64
Tổng:					2,030,100		46.50 triệu	39.51%**					

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 1/7/2020, hầu hết chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm nhẹ.

• Về giá, CSTB2003 và CVRE2006 tăng mạnh lần lượt là 26.92% và 22.73%. Trái lại, CFPT2002 và CROS2002 giảm mạnh lần lượt là -44.55% và -20.00%. Giá trị giao dịch giảm -2.02%. CVNM2003 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.23% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là HPG và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVNM2003 và CMWG2006 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtr@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	21.60	5.62	2.57
VNM	114.70	1.77	1.48
HPG	27.40	2.24	1.30
VCB	82.70	2.99	1.28
VIC	91.00	2.25	1.26

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HDB	24.6	-1.01	-0.22
NVL	61.3	-0.33	-0.09
EIB	17.8	-0.28	-0.07
VJC	108.0	0.00	0.00
ROS	3.0	2.36	0.03

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVPB2003	24,200	22,000	21,600
CSTB2003	12,471	11,111	11,200
CVRE2005	32,000	28,000	26,450
CVRE2003	43,999	37,999	26,450
CCTD2001	96,288	80,888	74,400
CSTB2004	12,400	11,000	11,200
CVPB2005	22,520	19,500	21,600
CSTB2006	15,888	12,888	11,200
CVNM2003	107,094	92,780	114,700
CTCB2004	19,100	17,000	19,800
CDPM2002	16,952	15,252	14,400
CHPG2005	21,100	19,000	27,400
CVHM2002	88,500	77,000	76,900
CHDB2003	37,523	32,123	24,550
CVNM2004	133,747	116,473	114,700
CHPG2007	24,659	22,999	27,400
CHPG2008	32,100	28,000	27,400
CMWG2007	99,900	87,000	82,000
CHPG2002	33,399	29,999	27,400
CFPT2003	57,300	50,000	46,200

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	82.0	1.5%	1.2	1,614	1.1	8,808	9.3	2.8	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	58.6	2.1%	1.3	574	0.6	5,248	11.2	2.6	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	46.0	1.0%	1.3	1,483	1.1	1,307	35.2	1.8	28.3%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	30.3	1.3%	0.4	294	0.0	2,056	14.7	1.0	54.4%	6.8%
VIC	Bất động sản	91.0	2.2%	0.8	13,383	0.4	2,095	43.4	3.8	13.9%	10.6%
VRE	Bất động sản	26.5	6.7%	1.1	2,613	1.7	1,226	21.6	2.2	30.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	61.3	-0.3%	0.8	2,584	2.0	3,584	17.1	2.6	6.1%	16.3%
REE	Bất động sản	30.9	0.7%	0.8	416	0.1	4,976	6.2	0.9	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	11.7	4.5%	1.3	264	1.3	2,289	5.1	0.9	41.1%	15.9%
SSI	Chứng khoán	15.3	3.4%	1.3	400	2.3	1,415	10.8	0.9	50.2%	7.8%
VCI	Chứng khoán	21.9	6.8%	1.0	156	0.3	4,240	5.2	0.9	27.9%	18.0%
HCM	Chứng khoán	19.1	3.8%	1.8	253	1.0	1,480	12.9	1.3	52.4%	12.0%
FPT	Công nghệ	46.2	1.2%	0.8	1,575	1.7	4,804	9.6	2.1	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	49.8	1.0%	0.4	539	0.1	4,812	10.3	2.6	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	71.0	2.9%	1.5	5,908	1.2	5,820	12.2	2.7	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	45.1	1.3%	1.5	2,335	2.9	869	51.9	2.9	13.8%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.2	2.5%	1.6	254	0.9	1,238	9.9	0.5	11.7%	4.8%
BSR	Dầu khí	7.0	1.4%	0.8	944	0.6	898	7.8	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	90.5	-1.1%	0.5	514	0.0	5,046	17.9	3.4	54.5%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.4	2.9%	0.4	245	0.8	1,006	14.3	0.7	11.4%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.8	3.4%	0.4	203	0.6	415	21.2	0.8	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	82.7	3.0%	1.2	13,336	1.4	4,848	17.1	3.6	23.8%	22.8%
BID	Ngân hàng	39.2	3.4%	1.4	6,855	1.3	2,140	18.3	2.1	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	22.3	3.5%	1.2	3,610	2.0	2,510	8.9	1.1	29.9%	12.6%
VPB	Ngân hàng	21.6	5.6%	1.2	2,289	2.1	3,750	5.8	1.2	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	16.9	1.8%	1.0	1,772	1.5	3,398	5.0	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	23.2	1.8%	0.9	1,677	1.7	3,780	6.1	1.3	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	53.8	3.7%	0.9	191	0.5	5,303	10.1	1.7	81.4%	17.0%
NTP	Nhựa	32.3	1.9%	0.4	165	0.0	4,208	7.7	1.2	18.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.2	0.0%	0.4	654	0.0	356	42.7	1.2	1.9%	2.9%
HPG	Thép	27.4	2.2%	1.1	3,289	12.9	2,764	9.9	1.5	36.0%	17.4%
HSG	Thép	12.0	4.8%	1.5	232	4.2	1,493	8.0	0.9	12.2%	11.4%
VNM	Tiêu dùng	114.7	1.8%	0.7	8,684	2.2	5,453	21.0	6.7	58.7%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	163.0	3.8%	0.8	4,545	0.4	6,719	24.3	6.1	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	55.5	2.6%	1.0	2,821	2.3	3,961	14.0	1.5	38.9%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	13.9	3.7%	0.7	353	1.3	171	81.1	1.1	5.6%	1.5%
ACV	Vận tải	58.8	0.9%	0.8	5,566	0.6	3,450	17.0	3.5	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	108.0	0.0%	1.1	2,460	1.5	7,110	15.2	3.8	18.2%	26.3%
HVN	Vận tải	25.7	2.4%	1.7	1,585	0.3	1,654	15.5	2.0	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	18.9	1.6%	0.9	244	0.1	1,583	11.9	0.9	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.6	0.0%	1.1	130	0.3	2,117	5.0	0.7	25.1%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	62.5	2.1%	0.9	422	0.2	9,201	6.8	2.9	2.8%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.6	2.6%	0.7	381	0.1	1,453	13.5	1.3	10.0%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.6	1.1%	1.0	225	0.0	1,938	7.0	0.9	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	74.4	6.9%	1.0	247	2.5	8,032	9.3	0.7	46.1%	7.3%
VCG	Xây dựng	27.3	4.2%	0.3	524	0.2	1,498	18.2	1.8	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	18.2	0.3%	0.3	189	0.9	1,775	10.3	0.8	39.2%	8.5%
POW	Điện	9.8	1.0%	0.6	998	1.4	1,028	9.5	0.9	11.6%	9.4%
NT2	Điện	21.8	3.3%	0.5	273	0.3	2,543	8.6	1.5	18.0%	18.1%

Thông kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	82.70	2.99	2.54	404440.00
VIC	91.00	2.25	1.93	92060.00
BID	39.20	3.43	1.49	769310.00
VHM	76.90	1.85	1.34	936450.00
SAB	163.00	3.82	1.10	58620.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HPX	-0.01	-0.11	633280.00	1.11MLN
TCH	0.00	-0.08	1.82MLN	607060.00
HDB	0.00	-0.07	926460.00	373600.00
NVL	0.00	-0.06	768550.00	192700.00
GEG	0.00	-0.04	488880.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LDG	6.42	7.00	0.03	3.80MLN
CLG	1.53	6.99	0.00	103630.00
TNI	4.59	6.99	0.00	5.75MLN
SVT	22.25	6.97	0.00	1100.00
CMX	15.40	6.94	0.01	337250.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ILB	16.00	-8.57	-0.01	32730.00
HRC	38.20	-6.94	-0.03	520.00
C47	9.54	-6.93	0.00	57090.00
RIC	4.84	-6.92	0.00	840.00
PLP	10.15	-6.88	-0.01	832860.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	23.20	1.75	0.63	1.67MLN
SHB	13.20	1.54	0.26	1.49MLN
SHS	12.70	7.63	0.13	2.08MLN
DL1	29.00	9.85	0.12	100.00
CEO	8.00	9.59	0.10	2.27MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

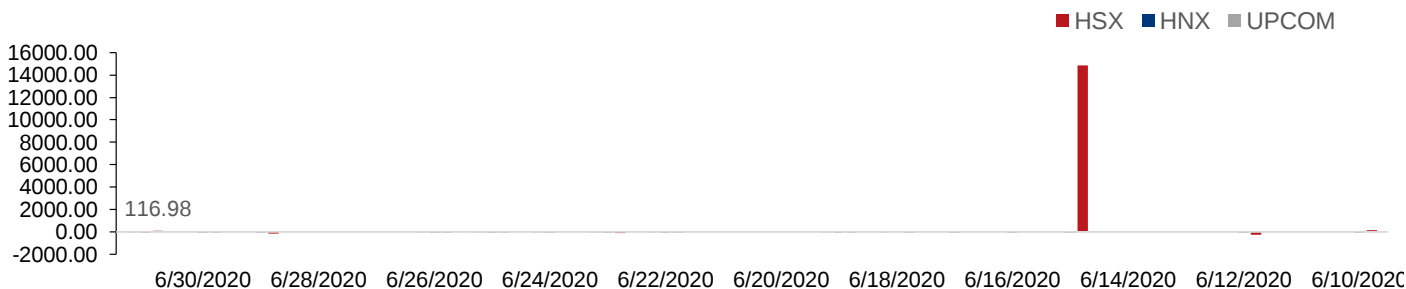
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDC	17.70	-1.67	-0.05	15700.00
CTB	30.60	-9.73	-0.03	100.00
CTX	7.50	-9.64	-0.02	5500.00
VNT	55.10	-9.67	-0.01	100.00
TAR	19.50	-2.50	-0.01	387300.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DST	5.50	10.0	0.02	1.25MLN
TTT	34.30	9.9	0.00	2000.00
TVC	10.00	9.9	0.03	1.70MLN
DL1	29.00	9.9	0.12	100.00
STP	6.70	9.8	0.00	5300.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.60	-14.29	-0.01	136800.00
NHP	0.60	-14.29	0.00	97100.00
D11	19.80	-10.00	-0.01	14800.00
DIH	12.60	-10.00	-0.01	500.00
GDW	19.10	-9.91	0.00	800.00



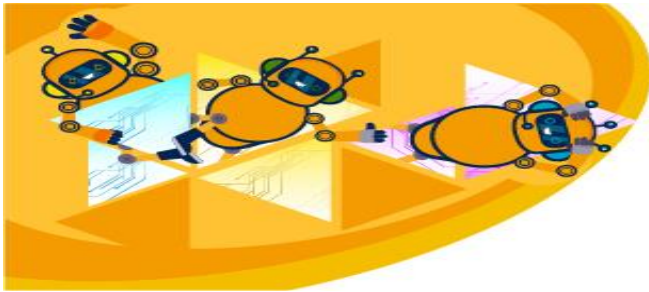
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
8	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
12	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
13	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	55.5	3,961	14.0	1.5	Click
2	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	39.8	4,717	8.4	1.5	Click
3	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	12.0	1,493	8.0	0.9	Click
4	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	43.5	5,479	7.9	2.2	Click
5	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	19.7	1,140	17.2	1.6	Click
6	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	27.4	2,764	9.9	1.5	Click
7	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	19.8	2,987	6.6	1.1	Click
8	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	58.6	5,248	11.2	2.6	Click
9	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	134.0	5,718	23.4	8.3	Click
10	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	11.7	2,289	5.1	0.9	Click
11	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	15.2	1,496	10.2	0.9	Click
12	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	19.4	7,637	2.5	0.9	Click
13	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	21.3	5,311	4.0	1.0	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	41.0	4,465	9.2	1.8	Click
15	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	82.7	4,848	17.1	3.6	Click
16	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	23.2	3,780	6.1	1.3	Click
17	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	35.5	6,553	5.4	1.3	Click
18	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	51.5	3,887	13.2	2.6	Click
19	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	46.2	4,804	9.6	2.1	Click
20	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	18.9	1,583	11.9	0.9	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gói báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VGI 2020Q2	29/5/2020	Dự báo KQKD: Doanh thu tăng trưởng 10-15%, LNTT 2020 đạt dương. Không chia cổ tức năm 2019 Về ảnh hưởng của dịch Covid đến hoạt động viễn thông dự kiến doanh thu dịch vụ giảm 10% vì Covid -19. Hành vi người tiêu dùng thay đổi: (1) Ở nhà nên doanh thu chủ yếu từ thuê bao (2) Nhu cầu giao dịch giảm. Tuy nhiên, công ty vẫn giữ kế hoạch cả năm tăng trưởng dương
VEA 2020Q2	27/5/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 44210 ; Giá tại Publish 40000 BSC ước tính lợi nhuận sau thuế của VEA trong năm 2020 đạt 5,921 tỷ VND (-19% yoy) tương đương với 4,421 đồng/cp, P/E fwd = 9x (thấp hơn P/E trung bình khu vực 10.7x – mục lục) với giá định (1) sản lượng tiêu thụ xe máy năm 2020 giảm -10% yoy (2) sản lượng tiêu thụ ô tô (Honda, Toyota) giảm -30% yoy (3) mức lợi nhuận ròng của Honda ở mức 15.5% (giảm từ mức 16% năm 2019), lợi nhuận ròng Toyota ở mức 10.5% (giảm từ 11% năm 2019).
Express DGC3 2020Q2	26/5/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: + Tập đoàn DGC: tăng LNST kế hoạch 2020 lên 700 tỷ (từ mức 600 tỷ) (+22.4% YoY). + Công ty con: PAC: năm 2019 lãi 10 tỷ, Q1.20: lãi 30 tỷ, dự kiến 2020 lãi 100 tỷ Trong năm 2019: + Việc không điều chỉnh giá bán P4 trong khi nhu cầu tiêu thụ thấp khiến KQKD sụt giảm, mất nhiều thị trường => Dấu hiệu: khả năng purchase power thấp + Sau khi mua thêm 2 lò cao, thị phần đạt 70%. 6 lò cao: 1 + 2: 50 – 60% công suất, 3 + 4: phập phù, 5: chạy full, 6: còn đang lắp
Express TCB 2020Q2	20/5/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 25000 ; Giá tại Publish 21300 Dự báo KQKD: BSC dự báo TCB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 25,163 tỷ VND và 14,159 tỷ VND (giảm lần lượt 3% và 6.7% so với báo cáo trước). BVPS 2020 ở mức 20,947 VND/cp. Catalyst: Chất lượng tài sản được kiểm soát tốt trong điều kiện dịch bệnh. Định giá ở mức hấp dẫn.
VTP 2020Q2	19/5/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 145900 ; Giá tại Publish 125000 Dự báo KQKD: BSC dự báo năm 2020 doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt 11,358 tỷ (+45.4% YoY) và 482 tỷ (+26.8% YoY). EPS fw 2020 đạt 7,085 VND, tương ứng với mức PE fw 2020 là 17.6. Rủi ro Đầu tư: Cạnh tranh giữa các công ty Bưu chính truyền thống và các công ty khởi nghiệp Chuyển phát nhanh. Cập nhật KQKD: Viettel Post công bố kết quả kinh doanh quý 1 năm 2020 với tốc độ tăng trưởng hai chữ số. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 2,460 tỷ (+83.6% YoY) và 97 tỷ (+26.2% YoY).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trí

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn